

Bản án số: 20/2022/KDTM-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai

2/- Ông Hoàng Văn Định

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/TLST-KDTMS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty A

Trụ sở: Số 50, ấp D, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Ông S, là người đại diện hợp pháp theo pháp luật. (Có đơn xin mặt)

Bị đơn: Công ty B

Trụ sở: Số 23/137 C, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông G, là người đại diện hợp pháp theo pháp luật

Địa chỉ: Huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các Biên bản không tiến hành hòa giải được Nguyên đơn A có ông S là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Giữa B (gọi tắt là Công ty Thái Bình Dương) và A (gọi tắt là A) có thỏa ký Hợp đồng kinh tế và các Phụ lục với Hạng mục: Cung cấp trồng và bảo dưỡng cỏ lá gừng cụ thể như sau.

1. Hợp đồng số: 20/ HĐ TR C – 02/2017 ngày 16 tháng 02 năm 2017

Trồng và bảo dưỡng cỏ lá gừng, diện tích 11.070 m². Địa điểm thi công, công ty SAMDUK, Khu công nghiệp Long Hậu – Hòa Bình, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Thời gian hoàn thành là 15 ngày

Tổng giá trị khối lượng công việc hoàn thành chưa bao gồm thuế: 296.516.000 đồng

Thuế: 05% thuế VAT/ 10% = 14.825.800 đồng

Tổng giá trị thanh toán bao gồm thuế: 311.341.800 đồng. Thời gian thanh toán được chỉ làm 03 đợt

- Đợt 01: trả 30% sau khi hai bên ký xong hợp đồng, thời gian chuyển tiền không quá 03 ngày kể từ ngày vật tư xuống công trình

- Đợt 02: trả 50% sau khi Công ty Cây Xanh Đồng Nai hoàn tất việc trồng cỏ, thời gian chuyển tiền không quá 03 ngày kể từ ngày gửi hồ sơ cho chỉ huy công trình.

- Đợt 03: thanh toán dứt điểm 20% còn lại khi Công ty Cây Xanh Đồng Nai hết thời gian chăm sóc bảo dưỡng 30 ngày và bàn giao cho chủ đầu tư, thời gian chuyển tiền không quá 03 ngày kể từ ngày bàn giao cho chủ đầu tư.

Thực hiện hợp đồng A đã tiến hành trồng và bảo dưỡng cỏ theo đúng quy định và cũng đã bàn giao cho chủ đầu đúng thời hạn B mới chỉ chuyển cho A được đợt 01 vào ngày 27/02/2017 với 84.496.500 đồng. Số tiền còn lại của đợt 02 và 03 là 226.845.300 đồng đến nay B vẫn chưa thanh toán cho A.

2. Phụ lục hợp đồng 1 số 01/20/HĐ TRC- 02/2017 ngày 20/3/2017.

Tổng giá trị khối lượng công việc hoàn thành chưa bao gồm thuế: 94.500.000 đồng

Thuế: VAT/ 10% = 9.450.000 đồng

Tổng giá trị thanh toán bao gồm thuế: 103.950.000 đồng

Thời gian thanh toán được chia làm 03 đợt:

- Đợt 01: Trả 30% giá trị sau khi hai bên ký xong hợp đồng.

- Đợt 02: Trả 50% sau khi Công ty Cây Xanh Đồng Nai hoàn tất công việc trồng cây.

- Đợt 3: Thanh toán dứt điểm 20% số tiền còn lại khi A hết thời gian chăm sóc bảo dưỡng 30 ngày và bàn giao cho chủ đầu tư.

Thực hiện hợp đồng A đã hoàn thành công việc của mình và đã bàn giao cho chủ đầu tư đúng thời hạn tuy nhiên B chưa thanh toán cho A được đồng nào.

Tính đến ngày 10/6/2022 B vẫn còn nợ A số tiền là: 103.950.000 đồng

3. Phụ lục hợp đồng 2 số 02/20/HĐTRC- 02/2017 ngày 05/4/2017

Tổng giá trị khối lượng công việc hoàn thành chưa bao gồm thuế: 264.730.000 đồng

Thuế: VAT/ 10% = 26.473.000 đồng

Gía trị thanh toán sau thuế: 291.203.000, thời gian hoàn thành trồng cây là 15 ngày

Thời gian thanh toán được chia làm 03 đợt:

- Đợt 01: Trả 30% giá trị sau khi hai bên ký xong hợp đồng.
- Đợt 02: Trả 50% sau khi A hoàn tất công việc trồng cây.
- Đợt 3: Thanh toán dứt điểm 20% số tiền còn lại khi A hết thời gian chăm sóc bảo dưỡng 90 ngày và bàn giao cho chủ đầu tư.

Thực hiện hợp đồng khi A đã trồng, bảo dưỡng cây và đã tiến hành bàn giao cho chủ đầu tư đồng thời B đã thanh toán được như sau:

Đợt 1: Ngày 11/04/2017: 79.419.000 đồng

Đợt 2: Ngày 09/05/2017: 132.348.500 đồng

Đợt 3: Ngày 17/08/2017: 30.000.000 đồng

Đợt 4: Ngày 04/10/2017: 20.000.000 đồng

Đợt 5: Ngày 07/11/2017: 20.000.000 đồng

Tổng giá trị đã thanh toán : 281.767.500 đồng.

Tính đến ngày 10/6/2022 thì B còn nợ A số tiền là: 9.435.500 đồng.

4. Phụ lục hợp đồng 3 số 03/20/HĐTRC- 07/2017 ngày 01/7/2017

Tổng giá trị khối lượng công việc hoàn thành chưa bao gồm thuế: 218.400.000 đồng

Thuế: VAT/ 10% : 21.840.000 đồng

Tổng giá trị thanh toán sau thuế: 240.240.000 đồng. Thời gian hoàn thành việc trồng cây là 15 ngày

Thời gian thanh toán được chia làm 03 đợt:

- Đợt 01: Trả 30% giá trị sau khi hai bên ký xong hợp đồng.
- Đợt 02: Trả 50% sau khi A hoàn tất công việc trồng cây.
- Đợt 3: Thanh toán dứt điểm 20% số tiền còn lại khi A hết thời gian chăm sóc bảo dưỡng 90 ngày và bàn giao cho chủ đầu tư.

Thực hiện hợp đồng khi A đã trồng, bảo dưỡng cây và đã tiến hành bàn giao cho chủ đầu tư đồng thời B đã thanh toán được như sau:

Đợt 1: Ngày 06/07/2017: 65.520.000 đồng

Đợt 2: Ngày 17/07/2017: 30.000.000 đồng

Đợt 3: Ngày 03/08/2017: 20.000.000 đồng

Đợt 4: Ngày 16/08/2017: 59.200.000 đồng

Tổng giá trị đã thanh toán sau thuế: 174.720.000

Tính đến ngày 10/6/2022 thì B còn nợ A số tiền là: 65.520.000 đồng

5. Các hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng

1/ - Xe cầu trồng cau vua: 3.500.000 đồng

2/ - Trồng cây ăn trái: 1.000.000 đồng

3/ - Trồng thêm trang đỏ: 2.500.000 đồng

4/ - Trồng thêm chuối ngọc: 900.000 đồng

- Tổng tiền phát sinh là: 7.900.000 đồng

Tổng tiền còn nợ lại của các hợp đồng.

Hợp đồng số: 20/ HĐ TR C – 02/2017

Còn nợ: 226.845.300 đồng

Phụ lục 1 số: 20/ HĐ TR C – 02/2017

Còn nợ: 103.950.000 đồng

Phụ lục 2 Số: 02/20/ HĐ TR C – 02/2017.

Còn nợ: 9.435.500 đồng

Phụ lục 3 Số: 03/20/ HĐ TR C – 07/2017

Còn nợ: 65.520.000 đồng

Các hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng

Tổng tiền phát sinh là: 7.900.000 đồng

Tổng số tiền nợ B còn phải chi trả cho A là: 413.650.800 đồng.

Do B đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng và các phụ lục, mặc dù A đã thường xuyên nhắc nhở và tạo điều kiện để B trả nợ nhưng B vẫn chây ỳ không trả. Do đó A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc B phải trả số tiền nợ còn thiếu là **413.659.800 đồng**. Yêu cầu trả một lần ngày khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

A không yêu cầu B phải trả tiền lãi đối với số nợ trên.

Bị đơn B có ông G là người đại diện hợp pháp theo pháp luật đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng ông G vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông G

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn A có ông S là người đại diện hợp pháp theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt, tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 18/8/2022 ông S xác định lại yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Cây Xanh Đồng Nai như sau:

1. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc B phải thanh toán số tiền phát sinh ngoài hợp đồng là: 7.900.000 đồng.

2. Yêu cầu Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Cảnh Quan Thái Bình Dương phải thanh toán tổng số nợ của các hợp đồng là 405.750.800 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số: 20/ HĐ TR C – 02/2017 ngày 16 tháng 02 năm 2017: B còn nợ số tiền của đợt 02 và 03 chưa thanh toán là 226.845.300 đồng.

- Phụ lục hợp đồng 1 số 01/20/HĐ TRC- 02/2017 ngày 20/3/2017. B vẫn còn nợ số tiền là: 103.950.000 đồng

- Phụ lục hợp đồng 2 số 02/20/HĐTRC- 02/2017 ngày 05/4/2017. B vẫn còn nợ số tiền là 9.435.500 đồng.

- Phụ lục hợp đồng 3 số 03/20/HĐTRC- 07/2017 ngày 01/7/2017. B vẫn còn nợ số tiền là 65.520.000 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

A không yêu cầu B phải trả tiền lãi đối với số nợ trên

- Bị đơn B có ông G là người đại diện hợp pháp theo pháp luật vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3 trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn A là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là A khởi kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế với bị đơn CB. Xét nội dung của Hợp đồng kinh tế số 20/HĐ TRC- 02/2017 ngày 16/02/2017 các bên thỏa thuận B đồng ý giao cho A cung cấp, trồng và bảo dưỡng cỏ lá gừng diện tích 11.070 m². Địa điểm thi công, công ty SAMDUK, Khu công nghiệp Long Hậu – Hòa Bình, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, và B sẽ phải thanh toán cho A theo từng đợt, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn B có trụ sở số 23/137 C, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, do đó theo quy định tại qui định tại điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn A có ông S là Người đại diện hợp pháp theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt ông S.

2.2]. Bị đơn B có ông G là người đại diện hợp pháp theo pháp luật đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn – A có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu B phải thanh toán tiền phát sinh ngoài hợp đồng là 7.900.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của Nguyên đơn:

[4.1] Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng được lập giữa A và B có nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 74 Luật Thương Mại nên có giá trị pháp lý.

[4.2] Về yêu cầu của nguyên đơn B yêu cầu B thanh toán số tiền còn nợ là 405.750.800 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 20/HĐ TRC-02/2017 ngày 16/02/2017 và các phụ lục 1 số 01/20/HĐ TRC-02/2017 ngày 20/3/2017; phụ lục 2 số 02/20/HĐ TRC-02/2017 ngày 05/4/2017; phụ lục 3 số 03/20/HĐ TRC-02/2017 ngày 01/7/2017 thì giữa A và B có ký kết hợp đồng kinh tế, hạng mục: cung cấp, trồng và bảo dưỡng cỏ là gừng, thời hạn hoàn thành 15 ngày kể từ ngày ký xong hợp đồng, các phụ lục, tổng giá trị của hợp đồng và các phụ lục thanh toán sau thuế là 946.734.800 đồng, phương thức thanh toán: từng đợt

Căn cứ các lệnh thanh toán lệnh có ngày 27/2/2017; 11/4/2017; 09/5/2017; 17/8/2017; 04/10/2017; 17/11/2017; 17/7/2017; 06/7/2017; 03/8/2017 và ngày 16/8/2017 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng B đã thanh toán cho A được tổng số tiền là 540.984.500 đồng và còn nợ số tiền 405.750.800 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 85 Luật thương mại năm 2005 quy định về nghĩa vụ của khách hàng “*Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng*”.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng và các phụ lục làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của A. Do đó yêu cầu của nguyên đơn A về việc buộc B phải thanh toán số tiền còn nợ là 405.750.800 đồng (*Bốn trăm lẻ năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng đồng*) là có cơ sở để chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của A về việc không yêu cầu B phải trả tiền lãi đối với số nợ trên.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.230.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 74, khoản 1 Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại:

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự:

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016):

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên A.

Buộc B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Cây Xanh Đồng Nai số tiền còn nợ là 405.750.800 đồng (*Bốn trăm lẻ năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng đồng*). Thực hiện việc trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu B không thực hiện nghĩa vụ thanh B còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về yêu cầu B phải thanh toán tiền phát sinh ngoài hợp đồng là 7.900.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm ngàn đồng*).

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: B phải chịu 20.230.000 đồng (*Hai mươi triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*).

Trả lại cho A số tiền 10.273.196 đồng (*Mười triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn một trăm chín mươi sáu đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006851 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hoa